

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Trà Giang năm 2026**

Căn cứ Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026, UBND xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số xã Trà Giang năm 2026, như sau:

**Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025**

Trong năm 2025, xã Trà Giang đã hoàn thành tốt các mục tiêu của cấp trên giao và kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo chiến lược về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hạ tầng số được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; 18/18 thôn (tỷ lệ 100%) có sóng di động 3G, 4G. Về nhân lực, phong trào “Bình dân học vụ số” đã thu hút hơn 4.500 triệu lượt người dân tham gia tập huấn kỹ năng số trên Cổng Bình dân học vụ số tỉnh. Xã đã thành lập 01 Tổ công nghệ số cộng đồng xã và 18 Tổ CNSCĐ tại 18 Thôn. Ra mắt mô hình Đại sứ số cộng đồng – điểm hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến tại cộng đồng dân cư, thành lập 01 Tổ ứng cứu CNTT hỗ trợ người yếu thế thực hiện các TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã.

Công tác an toàn thông tin được đảm bảo, UBND xã đã xây dựng hồ sơ hệ thống ATTT cấp độ 2 trình Công an tỉnh phê duyệt và triển khai đăng ký bổ sung phần mềm phòng chống mã độc cho 100% máy tính kết nối internet phục vụ hoạt động trong cơ quan nhà nước. Trong xây dựng Chính quyền số, 100% CBCC, VC được cấp tài khoản thư công vụ, tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến là trên 99,5%, 100% cơ sở giáo dục, y tế triển khai thanh toán không dùng tiền mặt. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về nhân lực chuyên trách và tỷ lệ người dân có chứng thư chữ ký số còn thấp (dưới 10%).

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

**Phần II
NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026**

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính phủ, thủ tướng chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương;
- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số Xã Trà Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số Xã Trà Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Các văn bản của UBND tỉnh: Số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 169/KH-UBND ngày 09/12/2021 về Phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/09/2025 triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành

của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tập trung nguồn lực để tăng tốc chuyển đổi số toàn diện xã Trà Giang; hình thành dữ liệu thống nhất, vận hành thông minh; nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng dịch vụ công; thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; triển khai đầy đủ các yêu cầu cơ bản về đảm bảo an toàn thông tin theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh.

- Nâng cao năng lực thể chế hóa chính sách, nhiệm vụ, lãnh đạo chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số. Kiện toàn, phát triển nhân lực chuyển đổi số trong cơ quan hành chính nhà nước; triển khai các chương trình hợp tác đã ký kết cho mục tiêu huy động nguồn nhân lực, công nghệ; phát triển Mạng lưới chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng (Tổ CNSCĐ).

2. Mục tiêu cụ thể: Phân đầu đến hết năm 2026 hoàn thành các chỉ tiêu tại Phụ lục 2 kèm theo.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, xuyên suốt giữa các cơ quan, đơn vị, nhất là đối với các nhiệm vụ phối hợp có quy mô lớn, liên ngành.

- Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo) ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo năm 2026.

- Tăng cường ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức theo chỉ đạo tạo Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; UBND xã về triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Tham gia góp ý xây dựng, sửa đổi các văn bản pháp luật của ngành, lĩnh vực, địa phương phù hợp chính quyền địa phương 2 cấp, thúc đẩy chuyển đổi số.

- Tham gia góp ý xây dựng các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực: khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; Triển khai Đề án của Trung ương về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Tham gia góp ý xây dựng Quy chế quản lý dữ liệu tỉnh; Kiến trúc tổng thể số; Kế hoạch 5 năm về chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế số - xã hội số giai đoạn 2026-2030.

- Tham gia góp ý xây dựng chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ CNSCD.

- Tham gia góp ý xây dựng các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu đối với các HTTT, CSDL do sở, ngành, địa phương quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Tham gia góp ý xây dựng danh mục ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng; thúc đẩy triển khai các ứng dụng, nền tảng dùng chung trên mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu triển khai phủ sóng di động tại các cụm dân cư đã có điện lưới Quốc gia, còn lờm sóng; phát triển internet băng rộng cố định đến hộ gia đình; phủ sóng 5G tại các khu vực đông dân cư.

- Tham gia góp ý xây dựng, vận hành Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp xã; tiếp tục phát triển dữ liệu, làm giàu dữ liệu; Tăng cường kết nối, thực hiện phân tích, tạo lập dữ liệu mới, đảm bảo dữ liệu phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đề xuất tập trung đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động chính quyền địa phương và Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã đáp ứng tiêu chuẩn, quy định. Tăng cường ứng dụng AI trong phục vụ người dân và doanh nghiệp.

4. Nhân lực số

- Duy trì, triển khai và cử CB,CC,VC tham gia đầy đủ hoạt động bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính phủ số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

- Cử CBCC,VC tham gia đầy đủ các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; về ATTT; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,...

- Cử CBCC,VC tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại các thôn

vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa và với nhóm người cao tuổi, người yếu thế.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 04/4/2025 về thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 06/10/2025 triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/09/2025 triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 12/12/2025 về triển khai thực hiện Đề án xây dựng và quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo kết nối, chia sẻ CSDL với Trung tâm điều hành thông minh tỉnh (IOC).

- Triển khai Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0) trên địa bàn xã.

- Số hóa 100% hồ sơ giải quyết TTHC phát sinh trong hoạt động hằng ngày, thúc đẩy nâng cao tỷ lệ tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt mức trung bình của toàn tỉnh.

6. An toàn thông tin mạng

- Triển khai đầy đủ, kịp thời đối với các khuyến cáo, cảnh báo của Bộ Công an; tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn trên không gian mạng, tổ chức hoạt động đào tạo trực tuyến cho người dân, người lao động và đưa nội dung hướng dẫn về an toàn thông tin vào hoạt động của Tổ CNSCĐ.

- Cử CBCC, VC tham gia đầy đủ các hoạt động tập huấn nâng cao kỹ năng xử lý cho lực lượng cán bộ kỹ thuật tại cơ quan nhà nước; tham gia hoạt động diễn tập đối với Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh, tham gia đầy đủ các hoạt động diễn tập thực chiến, tham gia đầy đủ các hoạt động trong mạng lưới an toàn thông tin do các cơ quan trong nước và quốc tế tổ chức để nâng cao kỹ năng thực chiến.

- Triển khai công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các các HTTT, CSDL (*nhất là các CSDL quốc gia, các CSDL ngành*) do địa phương quản lý, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Ưu tiên rà soát Hệ thống phòng chống mã độc tập trung để bảo đảm triển khai đồng bộ đến các cơ quan, đơn vị

7. Chính quyền số

a) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục rà soát, tham gia đề xuất, góp ý tái cấu trúc quy trình, thành phần hồ sơ thủ tục hành chính.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục rà soát, tham gia đề xuất, góp ý cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến.

- Ban hành Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn về dịch vụ công trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Tiếp tục rà soát, tham gia đề xuất, góp ý thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

b) Quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số.

Triển khai hiệu quả Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030. Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc về việc ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng; Văn bản số 1876/BKHCN-CĐSQG ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xác định hạ tầng số, phần mềm, ứng dụng dùng chung (cấp trung ương, tỉnh xã) để tránh đầu tư trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; Văn bản số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc

Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo Công văn số 557/BKHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn một số nguyên tắc chung đối với công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn (chatbot AI) phục vụ công việc.

8. Kinh tế số và xã hội số

a) Triển khai các hoạt động phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung thúc đẩy kinh tế số 5 nhóm ngành, lĩnh vực trọng tâm

theo Kế hoạch 114/KH-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh.

- Phát triển kinh tế số và xã hội số khu vực nông thôn theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 và hướng dẫn của Bộ NN&PTNT tại Công văn số 3445/BN-VPĐP ngày 29/5/2023 về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã Nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử.

- Nghiên cứu, rà soát triển khai mô hình điểm về Nông thôn mới thông minh phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và theo chỉ tiêu của UBND tỉnh giao.

b) Triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển xã hội số

- Thúc đẩy triển khai hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh về cơ quan thuế.

- Hướng dẫn cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới tăng cường trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử.

- Tiếp tục triển khai trường học số, ưu tiên trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; công tác giảng dạy và học tập; ứng dụng hồ sơ học bạ điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt.

- Nâng cao nhận thức, kỹ năng và mức độ tham gia của người dân vào xã hội số; Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong đời sống, học tập, lao động, quản lý xã hội.

- Phát triển các mô hình xã hội số tiêu biểu: Tổ công nghệ số cộng đồng; Khu dân cư số; Chợ số – tiểu thương số...

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

Đẩy mạnh truyền thông về Chuyển đổi số; tiếp tục tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia bằng phương thức mới, cách làm mới; thực hiện truyền thông chuyển đổi số trên môi trường đa nền tảng, huy động nguồn lực truyền thông xã hội trong truyền thông chuyển đổi số; đẩy mạnh hoạt động của Mạng lưới chuyển đổi số, Mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số và đặc biệt, lấy hoạt động của Tổ CNS CĐ là hạt nhân, nòng cốt trong truyền thông và nâng cao kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin trong cộng đồng.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động BCD về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 xã; kế hoạch hoạt động triển khai nội dung trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; tổ chức phiên họp định kỳ để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá chỉ đạo đối với nhiệm vụ giao cho các cơ quan, đơn vị; thực hiện đánh giá chuyển đổi số (DTI) sử dụng kết quả trong đánh giá hằng năm về trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thực hiện biện pháp, chính sách thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch nâng ngạch, nâng lương trước thời hạn, khen thưởng năm và khen thưởng chuyên đề.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Triển khai thực hiện Thỏa thuận hợp tác chiến lược về Chuyển đổi số với các cơ quan, tổ chức liên quan; nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,... và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Chuyển đổi số.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Thực hiện mục tiêu đảm bảo tỷ lệ chi hàng năm cho chuyển đổi số **là tối thiểu 1%** tổng chi ngân sách cấp xã theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh.

- Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, lồng ghép sử dụng các nguồn hợp pháp khác cho chuyển đổi số như nguồn vốn từ Chương trình MTQG; bố trí đầu tư các hạng mục về hạ tầng, có tính chất hạ tầng về Chuyển đổi số tại các dự án đầu tư xây dựng; thực hiện kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn đảm bảo theo quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước; tăng cường hiện diện trên môi trường số một cách đảm bảo an ninh, an toàn nhằm chia sẻ kinh nghiệm, các sáng kiến; đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính quyền số, sản phẩm, dịch vụ kinh tế và kinh tế số xã Trà Giang.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc xã

- Căn cứ nội dung của Kế hoạch này, xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Tiếp tục thực hiện đạt kết quả các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu năm 2026 theo chỉ đạo của UBND tỉnh; trong đó tập trung đẩy mạnh xây dựng Chính quyền số, hướng tới đơn giản hóa thủ tục hành chính, đạt 100% dịch vụ công trực tuyến và triển khai hiệu quả Đề án 06 về dữ liệu dân cư.

- Các ngành, lĩnh vực y tế, nông nghiệp, giáo dục, môi trường, du lịch... ưu tiên tập trung số hóa mạnh mẽ, cùng với việc chú trọng phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao và phổ cập kỹ năng số cho người dân.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc các nhiệm vụ về Chuyển đổi số theo yêu cầu của Ban chỉ đạo của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06, hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Tham mưu xây dựng, triển khai Kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với nhu cầu triển khai Kế hoạch.

- Trên cơ sở các mục tiêu, nội dung nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện; đảm bảo việc tổ chức thực hiện được kiểm tra chặt chẽ, đạt hiệu quả; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

- Tăng cường công tác tham mưu về hoạt động của Ban chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06. Hướng dẫn hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Ưu tiên kinh phí triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số có liên quan đến nội dung triển khai Kế hoạch này.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các giải pháp kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của xã.

3. Công an xã

- Tiếp tục tổ chức làm sạch, cập nhật đầy đủ, chính xác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; triển khai cấp phiếu lý lịch tư pháp trên các hệ thống thông tin, ứng dụng định danh điện tử (VNeID) theo hướng dẫn của Công an tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 06/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu

dùng chung (Phiên bản 1.0).

4. Văn phòng HĐND & UBND xã

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội hướng dẫn các ngành, cơ quan, đơn vị thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cải cách chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội theo dõi, đôn đốc các cơ quan thực hiện theo kế hoạch này.

- Tiếp tục triển khai số hóa, quản lý, khai thác dữ liệu hộ tịch, cập nhật dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến trên địa bàn xã theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tư pháp.

5. Phòng Kinh tế xã

- Duy trì hoạt động Hệ thống thông tin đất đai xã Trà Giang, đảm bảo vận hành cơ sở dữ liệu đất đai được thông suốt, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân được liên tục, an toàn.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị hoàn thành đồng bộ cơ sở dữ liệu đất đai, hệ thống thông tin đất đai trên phạm vi toàn xã, kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo yêu cầu của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Tiếp tục triển khai hoàn thành việc số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc lĩnh vực đất đai, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp khả năng cân đối ngân sách theo quy định của Luật NSNN và các quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội tham mưu UBND xã bố trí nguồn chi đầu tư phát triển cho các nhiệm vụ, dự án theo quy định.

6. Các trường học thuộc xã

Tăng cường thực hiện công tác chuyển đổi số ngành giáo dục, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy và học.

Duy trì triển khai, phát huy hiệu quả các nền tảng số, dữ liệu số ngành giáo dục theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

7. Trạm Y tế xã

- Triển khai thiết lập hồ sơ sức khỏe điện tử, đảm bảo hoàn thành, kết nối liên thông với kho dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử của Bộ Y tế, phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công lĩnh vực y tế trên các hệ thống thông tin, ứng dụng định danh điện tử (VNeID), góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Tăng cường công tác tuyên truyền người dân tích hợp BHYT, sử dụng Sổ sức khỏe điện tử; liên thông giấy chuyển tuyến, hẹn khám lại trên VNeID.

8. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về các nội dung và kết quả triển khai Kế hoạch chuyển đổi số của xã.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các ngành triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/cáo);
- Công an tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Phòng, trung tâm thuộc xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

CHỦ TỊCH

Võ Đình Hưng

Phụ lục 1
Đánh giá kết quả thực hiện năm 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 09 /KH-UBND ngày 15/01/2026 của UBND xã Trà Giang)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

Xã Trà Giang đã hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57- NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương và các nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã Trà Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Kế hoạch chuyển đổi số xã Trà Giang năm 2025, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện năm 2025	Đánh giá
1	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ 95% thủ tục hành chính có đủ điều kiện	Văn phòng HĐND-UBND xã	100 % toàn trình TTHC cấp xã có DVCTT	
2	Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 60%	Văn phòng HĐND-UBND xã	>100%	
3	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.	Trung tâm Phục vụ HCC	100% tích hợp, xác thực thông suốt	
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.	Văn phòng HĐND-UBND xã	100 %	
5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.	Văn phòng UBND xã	100 %	
6	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin cáo cáo Chính phủ	Văn phòng HĐND-UBND xã	Đã hợp nhất, kết nối từ 01/7/2025	
7	100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; UBND tỉnh giao của UBND xã được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số	Văn phòng UBND xã	100% nhiệm vụ theo dõi trên HT số	
8	100% các thông tin, dữ liệu của địa phương được tích hợp, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin của Chính phủ, Trung ương Đảng, Quốc hội.	Phòng Văn hóa – Xã hội	LGSP kết nối >20 CSDL quốc gia	

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện năm 2025	Đánh giá
9	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp tỉnh đạt 100%; cấp xã đạt 80%.	Văn phòng HĐND-UBND xã	>98%	
10	Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP đạt tối thiểu 20%.	Phòng Kinh tế	Ước 10% ¹	Chưa đạt
11	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%	Phòng Kinh tế	100 % đơn vị cung cấp dịch vụ thiết yếu	Đạt
12	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.	Phòng Kinh tế	100% DN sử dụng	Đạt
13	100% cửa hàng bán lẻ xăng dầu; 100% trung tâm thương mại; 50% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng trên địa bàn xã triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.	Phòng Kinh tế	Triển khai diện rộng	Đạt
14	Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.	Phòng Văn hóa – Xã hội	10%	Chưa đạt
17	100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.	Phòng Văn hóa – Xã hội	75% hộ dùng cáp quang; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng	Đạt
19	Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh đạt 100%.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Triển khai toàn xã	Đạt
20	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn xã triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 70%.	Phòng Văn hóa – Xã hội	10/10 trường, đạt tỷ lệ 100%	Đạt
21	Tỷ lệ cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ hồ sơ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.	Phòng Văn hóa – Xã hội	01/01 Trạm y tế triển khai (100%)	Đạt
22	Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn	Văn phòng HĐND-UBND xã	01 HTTT được phê duyệt	Đạt

¹ Số liệu do Cục Thống kê, Bộ Tài chính đánh giá hàng năm

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện năm 2025	Đánh giá
	hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%			
23	Tỷ lệ các cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp xã triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Triển khai đầy đủ phương án	Đạt

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại địa phương

Năm 2025, Đảng ủy, UBND Xã Trà Giang đã kịp thời ban hành các quyết định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo để triển khai và thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã: (1) Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trà Giang về Triển khai thực hiện Chương trình “Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030” trên địa bàn xã Trà Giang; (2) Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trà Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TU ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030” trên địa bàn xã Trà Giang....

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

a) Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số: UBND xã² ban hành Kế hoạch chuyển đổi số, truyền thông, hưởng ứng Tuần lễ Chuyển đổi số và Ngày Chuyển đổi số quốc gia. Thường xuyên rà soát quy trình, thủ tục hành chính, chuẩn hóa mẫu biểu, quy trình để thiết lập trên hệ thống phục vụ người dân, doanh nghiệp nhanh chóng, thuận tiện.

b) Công tác tổ chức triển khai thực hiện

² Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trà Giang về thành lập Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trà Giang về thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng xã Trà Giang; Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trà Giang về thành lập 18 Tổ công nghệ số cộng đồng 18 thôn xã Trà Giang; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trà Giang về Triển khai thực hiện Chương trình “Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030” trên địa bàn xã Trà Giang; Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trà Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TU ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030” trên địa bàn xã Trà Giang.

- UBND xã thường xuyên chỉ đạo triển khai chuyển đổi số; giao nhiệm vụ có thời hạn và theo dõi trên Hệ thống để đánh giá tiến độ, mức độ hoàn thành; kiểm tra, trực tiếp kết hợp gián tiếp, kiểm tra chuyên đề về an toàn an ninh mạng, cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; kiểm tra chuyên đề về chuyển đổi số và Đề án 06.

- UBND xã phân công lãnh đạo phụ trách về chuyển đổi số; ban hành văn bản triển khai, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc; giao ban định kỳ hằng quý, thực hiện chế độ thông tin báo cáo hằng tháng, quý.

- Rà soát, ban hành hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy chuyển đổi số. Xây dựng và ban hành các quy chế quy định về quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin thuộc xã.

- Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo của phường về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; tăng cường vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng xã và các thôn; mở rộng mạng lưới mô hình Đại sứ số cộng đồng.

- Xây dựng và triển khai, thực hiện những nội dung, nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch Chuyển đổi số xã Trà Giang năm 2026.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến các công ty, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức xã hội về xây dựng kinh tế số, xã hội số, công dân số.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, coi kết quả chuyển đổi số là tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính.

3. Hạ tầng số

- Xã Trà Giang hiện đã triển khai đảm bảo kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) đến 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn xã; bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn và ổn định phục vụ hoạt động điều hành, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên toàn tỉnh.

- Mạng di động có 18/18 – tỷ lệ 100% thôn có sóng di động 3G, 4G và Internet. Mạng 5G đã triển khai, có trên 75% hộ gia đình sử dụng cáp quang; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 85%.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

- Phong trào Bình dân học vụ số: (1) Tổ chức Lễ Phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” và tập huấn Kỹ năng ứng dụng AI trong xử lý công việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, thành viên Tổ CNSCĐ xã, thôn. Đồng thời, thúc đẩy tiếp tục đẩy mạnh triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã; (2) Hướng dẫn các ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai đồng bộ phong trào “Bình dân học vụ số”, “Ngày hội toàn dân học tập số” và “Ngày chuyển đổi số quốc gia”; (3) Triển khai vận động, tham gia lớp tập huấn trên nền tảng trực tuyến tại Cổng Bình dân học vụ số Xã Trà Giang. Thống kê số liệu đến hiện tại: hơn 4500 người dân đã được tham gia các lớp tập huấn về kỹ năng số nâng tổng số lượt người dân trên địa bàn tỉnh đã tham gia ít nhất 01 lớp

tập huấn về kỹ năng số với hơn 8500 lượt người.

- Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng số cho CBCCVC xã: (1) Tập huấn kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan nhà nước tại Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã.

- Năm 2025: cử CBCC, VC tham gia đầy đủ 100% các Chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số năm 2025 dành cho đối tượng CBCCVC do Sở Nội vụ tổ chức.

- Ủy ban nhân dân xã đã bố trí 01 công chức tại Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; là đầu mối công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và an toàn thông tin mạng tại địa phương.

- UBND xã thành lập 01 Ban chỉ đạo xã; 03 tổ giúp việc (CCHC, Chuyển đổi số và ĐA 06). Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Đã Quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng xã Trà Giang và 18 Tổ công nghệ số cộng đồng thôn với 247 thành viên.

Thành lập 01 tổ ứng cứu CNTT tại Trung tâm phục vụ HCC xã. Ra mắt mô hình Đại sứ số cộng đồng- Điểm hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến tại cộng đồng dân cư thôn Đá Sơn, Đá Bàn, Thôn 1 với 10 thành viên.

Qua triển khai thực hiện nhiệm vụ, về cơ bản các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng đã phát huy được vai trò, trách nhiệm trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trực tiếp đến người dân.

5. Dữ liệu số

- Danh mục, hiện trạng vận hành, khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương: các cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương đã được đưa vào khai thác, phục vụ quản lý.

- Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu: đất đai, doanh nghiệp, tài chính, hộ tịch... để phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Chủ động làm sạch và đưa vào khai thác, bảo đảm “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung” đối với 12 cơ sở dữ liệu Quốc gia.

- Bố trí nguồn lực, kinh phí thực hiện phân loại hồ sơ, tài liệu để xác định những loại tài liệu cần số hóa.

- Trạm Y tế xã đã triển khai Sổ hồ sơ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100% Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị triển khai tiếp nhận KCB BHYT bằng Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID; thành lập Tổ hướng dẫn hỗ trợ người dân, người bệnh tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID. Đã hoàn thành việc đẩy dữ liệu KCB theo Quyết định 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế về quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan và Quyết định số 3176/QĐ-BYT ngày 29/10/2024. Đến nay, xã Trà Giang kết nối liên thông dữ liệu lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT và tích hợp trên

ứng dụng VNeID; triển khai bệnh án điện tử tại Trạm Y tế xã (*thực hiện Thông báo số 56/TB-VPCP ngày 23/02/2025; Công văn số 1386/UBND-KGVX ngày 17/3/2025*).

6. An toàn thông tin mạng

- Công tác tham mưu, chỉ đạo triển khai: UBND xã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng; chủ động phòng ngừa, xử lý các hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hệ thống thông tin của các cơ nhà nước trên địa bàn xã.

Các cơ quan chức năng đã ban hành nhiều văn bản trao đổi, cảnh báo, hướng dẫn cho các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, tình hình mã độc; cảnh báo lỗ hổng bảo mật nguy cơ cao, nghiêm trọng trong sản phẩm Microsoft; tổ chức hoạt động 07 hệ thống thông tin dùng chung trọng điểm của tỉnh³ hoạt động thông suốt, liên tục kết nối từ UBND xã đến các sở, ban, ngành và UBND cấp tỉnh đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND xã, vận hành tại cơ quan nhà nước và phục vụ Nhân dân trên địa bàn xã, đồng thời triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng các hệ thống thông tin trong quá trình sáp nhập xã và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn.

- Công tác phổ biến, quán triệt các quy định về bảo mật thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, đặc biệt là kỷ luật phát ngôn trên không gian mạng: UBND xã đã quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức tại các quy định về bảo mật thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước; không được viết bài, chia sẻ các tin từ nguồn không chính thống trên các trang mạng xã hội....

- Đã cài đặt và sử dụng phần mềm diệt Virus Bkav Endpoint 15 bản quyền do Công an tỉnh cấp cho 34 máy tính của cán bộ, chuyên viên, nhân viên làm việc tại các phòng, trung tâm thuộc xã

- Quản lý, sử dụng chữ ký số: Chữ ký số cá nhân giao cho từng cá nhân quản lý sử dụng, chứng thư số của tổ chức giao cho các phòng, đơn vị quản lý và sử dụng.

- Phân công công chức Văn phòng HĐND và UBND xã phụ trách ATTT.

- Xây dựng quy chế đảm bảo ATTT và ANM trong hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc UBND xã .

- Đã rà soát, xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT gửi CA tỉnh.

- Hoạt động Tổ Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng xã Trà Giang: Tiếp tục được kiện toàn, phát huy vai trò tham mưu, triển khai công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng; điều phối hoạt động ứng cứu an toàn thông tin cho 11 thành viên của Tổ Ứng cứu là cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm an toàn thông tin, an ninh mạng tại các cơ quan đơn vị nhà nước trên địa bàn xã.

- Tổ chức rà soát, thu hồi các loại USB Token, USB cơ yếu, USB an toàn đối với cán bộ có thay đổi vị trí công tác, hết nhiệm vụ tiếp cận hệ thống dữ liệu,

³ Gồm: ⁽¹⁾ Hệ thống Email công vụ tỉnh Quảng Ngãi; ⁽²⁾ Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Quảng Ngãi; ⁽³⁾ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi; ⁽⁴⁾ Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Ngãi; ⁽⁵⁾ Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành dùng chung trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; ⁽⁶⁾ Công/trang thông tin điện tử thành phần của các đơn vị, địa phương; ⁽⁷⁾ Hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh.

mã hoá; kiểm soát việc phân quyền truy cập, bảo vệ tài khoản quản trị, tài khoản vận hành hệ thống; chủ động kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn hệ thống mạng, rà quét khắc phục các điểm yếu, lỗ hổng bảo mật; hạ tầng máy chủ, dung lượng truyền tải, các điều kiện cần thiết khác...đảm bảo trước khi kết nối, liên thông hệ thống.

- Đối với các hệ thống lưu trữ, xử lý thông tin quan trọng, tài liệu bí mật nhà nước chủ động phương án dự phòng hệ thống, sao lưu dữ liệu để bảo đảm khả năng khôi phục khi sự cố xảy ra. Đặc biệt trong giai đoạn chuyển giao công nghệ, đồng bộ dữ liệu trong quá trình sáp nhập, sắp xếp các đơn vị.

7. Chính phủ số

- **Hệ thống thông tin báo cáo :** Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đã được hợp nhất từ ngày 01/7/2025 và triển khai đến các cơ quan, địa phương với hơn 150 biểu mẫu báo đã chuẩn hóa, điện tử hóa trên hệ thống; đã khai báo, cấp, bổ sung tài khoản cho các cơ quan, địa phương hơn 950 tài khoản, đảm bảo cho các cơ quan, địa phương thực hiện các nhiệm vụ nhập liệu, kiểm tra, ký duyệt và gửi báo cáo số liệu trên Hệ thống đảm bảo đúng quy định.

- **Hệ thống thư điện tử công vụ:** Đã thực hiện cấp 100% tài khoản đảm bảo cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện xác thực vào các hệ thống dùng chung của tỉnh.

- **Trang Thông tin điện tử:** Đã được xây dựng và là kênh thông tin chính thức, giúp công khai, minh bạch các hoạt động của chính quyền cơ sở đến người dân, đảm bảo người dân có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng và kịp thời.

Trang thông tin điện tử xã Trà Giang hoạt động có hiệu quả tại địa chỉ <https://tragiang.quangngai.gov.vn>, nhiều chuyên trang, chuyên mục được tạo mới, giao diện của Trang Thông tin điện tử được thiết kế thân thiện, phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức; góp phần truyền tải các thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với người dân và doanh nghiệp.

- **Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành dùng chung:** Đã triển khai đến 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã; cấp 100% tài khoản của tổ chức và cá nhân (CB,CC,VC) để triển khai xử lý văn bản, hồ sơ trên môi trường mạng (*đến nay kết quả xử lý hồ sơ toàn trình trên môi trường mạng cấp xã đạt trên 98%*).

- **Hệ thống Hội nghị trực tuyến:** Đã kết nối ổn định. Đảm bảo phục vụ tốt các cuộc họp từ UBND tỉnh về cấp xã.

- **Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP):** nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tại địa chỉ <https://lgsp.quangngai.gov.vn/intro/index> đã ghi nhận các kết quả đáng chú ý: Tổng số văn bản liên thông: 5.783.656; Tổng số bản tin liên thông NDXP: 4.290.529; Tổng số bản tin liên thông Tư pháp: 54,795.

Kết nối các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: Cơ sở dữ liệu dân cư (*đã hoàn thành rà soát, đối chiếu thông tin dân cư với dữ liệu quốc gia; cập nhật các biến động về hộ khẩu, nhân khẩu*); Cơ sở dữ liệu hộ tịch (*kết nối hệ thống đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn với CSDL dân cư*); Cơ sở dữ liệu các lĩnh vực khác: văn hóa, y tế, giáo dục,

an sinh xã hội... từng bước được cập nhật và số hóa.

- **Triển khai chữ ký số:** Việc triển khai chữ ký số trên địa bàn toàn xã (khối chính quyền) đã được đẩy mạnh. Đã đề nghị cấp chứng thư số chuyên dùng cho 08 tổ chức và 39 cá nhân do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp; tích hợp chứng thư số với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử, Hệ thống một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công quốc gia, và Trục liên thông văn bản quốc gia... Trong năm 2025, 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử có ký số thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành iOffice; 100% cán bộ, công chức liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính được cấp chứng thư số chuyên dùng để thực hiện số hóa hồ sơ và ký xác thực điện tử.

- **Hệ thống thông tin giải quyết TTHC:** Tổng số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia: Cấp xã 384 DVCTT/395 TTHC; chiếm tỷ lệ 97,22%.

+ Đánh giá Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

* Dịch vụ công trực tuyến một phần:

- Tổng số thủ tục hành chính đã cung cấp: 238 TTHC

- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 890 hồ sơ; trong đó: tiếp nhận trực tuyến: 890/890 hồ sơ (*chiếm 100 %*), tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC: 0 hồ sơ (*chiếm 0 %*).

* Dịch vụ công trực tuyến toàn trình:

- Tổng số thủ tục hành chính đã cung cấp: 143 TTHC.

- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 408 hồ sơ; trong đó: tiếp nhận trực tuyến: 407/408 hồ sơ (*chiếm 99,75%*), tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC: 01/408 hồ sơ (*chiếm 0,25 %*).

- **Tổng đài Dịch vụ hành chính công:** Đã tiến hành thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến giải quyết TTHC trên Trang thông tin điện tử xã và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cho tổ chức, cá nhân biết liên hệ tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/p/phananhkienngghi/pakn-gui-pakn.html>

+ Gửi đến cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi, số 52 Hùng Vương, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi (Fax: 0255.3822.217).

+ Số điện thoại chuyên dùng: **0255.3718.200** (*Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thuộc Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi*).

+ Địa chỉ thư điện tử: **pakn@quangngai.gov.vn**

+ Số điện thoại chuyên dùng: 0260.3821.345 (*Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Trà Giang*).

+ Địa chỉ thư điện tử: **vanthutthcc-sathay@quangngai.gov.vn**

8. Kinh tế số và xã hội số

a) Về phát triển kinh tế số

- Triển khai các chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số theo Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Các doanh nghiệp trên địa bàn xã thực hiện nộp thuế qua mạng, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, thực hiện đấu thầu qua mạng, nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt...

- Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ và đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa để nâng cao năng lực cạnh tranh. Các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh đã ứng dụng công nghệ vào quảng bá, bán các sản phẩm hàng hóa: livestream trên Facebook, TikTok; đăng ký gian hàng trên các Trang Thương mại điện tử như: Shopee; Lazada...; sử dụng Phần mềm quản lý bán hàng KiotViet, tối ưu quá trình bán hàng, thanh toán; sử dụng mã QR tài khoản ngân hàng để phục vụ thanh toán trực tuyến của khách hàng...

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tham gia vào mô hình “kinh tế chia sẻ”, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, các sàn thương mại điện tử. Tham gia các chương trình xúc tiến thương mại điện tử đa dạng, kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp để tạo thêm các chuỗi liên kết mới và kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp, các sản phẩm thế mạnh địa phương, góp phần tạo ra giá trị mới cho nông sản.

- Đến nay, trên địa bàn xã có 01 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP (trong đó có: 01 sản phẩm OCOP đạt 3 sao); sản phẩm được áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

b) Về phát triển xã hội số, công dân số

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và hỗ trợ người dân khai thác, sử dụng các dịch vụ số để tương tác với chính quyền, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tham gia các hoạt động thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, nâng cao kỹ năng tương tác trên môi trường số an toàn.

- Phối hợp, cung cấp địa chỉ, tài liệu về các khóa học trực tuyến mở để Nhân dân có thể dễ dàng tiếp cận, tham gia để nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin cho người dân và doanh nghiệp; hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng chữ ký số cá nhân.

- Triển khai các hoạt động thanh toán dịch vụ công qua ngân hàng tiếp tục được đẩy mạnh như: Nộp thuế điện tử; Lĩnh vực y tế, giáo dục, chi trả an sinh xã hội... thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Triển khai các dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp như App Công dân “G-Quảng Ngãi”.

Tổ chức Lễ phát động phong trào Bình dân học vụ số, ra quân hỗ trợ người dân tham ra các khóa học nâng cao kỹ năng số với hơn 3500 lượt người dân tham gia....

- Duy trì và thúc đẩy hình thành các mô hình Chợ 4.0; Tuyến đường không dùng tiền mặt; Điểm chi trả không dùng tiền mặt,.. tại các thôn trong xã. Việc thanh toán bằng mã QR ngày càng phổ biến trong hoạt động mua, bán của người dân.

- 100% cơ sở giáo dục đã triển khai khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt. Số lượng đơn vị có phát sinh giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 94%.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

Thường xuyên thực hiện truyền thông về chuyển đổi số trên các kênh truyền hình và các nền tảng số, cụ thể:

- Nhằm nâng cao phổ cập về chuyển đổi số toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn xã và các kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Xây dựng chuyên mục chuyển đổi số, bình dân học vụ số công khai trên Trang thông tin điện tử của xã; và Đài truyền thanh xã.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các phòng, cơ quan đơn vị và Tổ công nghệ số cộng đồng thôn về cài đặt chữ ký số, app bóc số tự động....

- Ủy ban nhân dân xã đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác quán triệt về các nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch hành động số 05-KH/TU ngày 20 tháng 7 năm 2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị... quán triệt nội dung chỉ đạo tại các văn bản: Kế hoạch số 368-KH/TU, ngày 24/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 03/6/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 02/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về Phát động và Tổ chức Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 và các văn bản liên quan, đánh giá kết quả thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2025 tại địa phương

Qua công tác quán triệt, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động xã đã nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của các quan điểm, chủ trương,

chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao nói chung và phong trào Bình dân học vụ số nói riêng.

- Tổ chức phát động, cài đặt ứng dụng di động cho công chức, viên chức và người dân; Truyền thông, tập huấn về chuyển đổi số thông qua các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp; Đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng số và hệ thống truyền thanh cơ sở;

- Truyền thông trực quan thông qua các cuộc thi tìm hiểu về CCHC, chuyển đổi số.

10. Kinh phí thực hiện chuyển đổi số

1. Về ngân sách

- Trên cơ sở hướng dẫn của UBND tỉnh, sở KH-CN, địa phương đã chủ động xây dựng Công bản số 289/UBND ngày 14/8/2025 về Kế hoạch và dự toán kinh phí đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

- Tình hình bố trí kinh phí của địa phương: Đã bố trí hơn 100.000.000 đồng đầu tư mua sắm máy móc phục vụ người dân và doanh nghiệp tại Trung tâm phục vụ hành chính công và 65.000.000 đồng phân bổ dự toán cho hoạt động chuyển đổi số và CCHC xã trong 06 tháng cuối năm 2025.

2. Nguồn lực khác

Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa đối với các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: *Không có*

11. Tồn tại, hạn chế

- Khối lượng công việc chuyển đổi số thường có yếu tố phát sinh rất lớn nhưng nhân lực cho công tác chuyển đổi số, an toàn thông tin còn thiếu và yếu, việc tuyển dụng rất khó khăn.

Việc thay đổi thói quen của người dân trong sử dụng công cụ số cần có thời gian và nhân lực hỗ trợ; nhân lực chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước thuộc xã là ít và hầu hết là kiêm nhiệm; Tổ Công nghệ số cộng đồng chưa có chế độ, chính sách để hoạt động. Nhận thức về chuyển đổi số của đa số cán bộ lãnh đạo các ngành và các cơ quan, đơn vị tuy đã được nâng cao nhưng kỹ năng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về công tác chuyển đổi số còn nhiều hạn chế.

- Việc triển khai các nền tảng số, CSDL, HTTT còn khó khăn do phụ thuộc nhiều vào sự tham gia và năng lực khai thác của các cá nhân, cơ quan, đơn vị. Một số HTTT dùng chung toàn quốc còn chưa đáp ứng nhu cầu khai thác tại địa phương; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu còn bất cập, rào cản.

- Mức độ quan tâm về ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất kinh doanh của một số lượng không ít doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh là còn hạn chế. Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 07/1/2021 của Bộ trưởng Bộ

Kế hoạch và Đầu tư về phát triển doanh nghiệp công nghệ số theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 12/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh còn nhiều khó khăn.

Phụ lục 2
MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2026 của UBND Xã Trà Giang)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
I	Chính quyền số		
1	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	>80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
4	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đủ điều kiện	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
6	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
7	Tỷ lệ các dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI	30%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
8	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc	100%	Văn phòng HĐND& UBND xã
9	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo	100%	Văn phòng HĐND& UBND xã
10	Tỷ lệ nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, ngành, địa phương được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%	Văn phòng HĐND& UBND xã
11	Tỷ lệ các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh triển khai trao đổi, xử lý văn bản mật trên mạng mật của Trung ương	100%	Văn phòng HĐND& UBND xã; Phòng Văn

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
			hóa – Xã hội
II	Hạ tầng và dữ liệu số		
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn (dân số)	60%	Phòng Văn hóa – Xã hội
2	Đảm bảo hệ thống mạng nội bộ LAN tại đơn vị, địa phương hoạt động thông suốt và an toàn thông tin	Hoàn thành	Các cơ quan, đơn vị, các ngành thuộc xã
3	Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng và liên thông từ Trung ương đến cấp xã	90%	Phòng Văn hóa – Xã hội
4	Tỷ lệ Đài truyền thanh cấp xã có Ứng dụng công nghệ (Truyền thanh thông minh)	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội; Trung tâm Cung ứng DVC.
5	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông với Trung ương	50%	Văn phòng HĐND &UBND
6	Tỷ lệ hoàn thành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh	50%	Phòng Văn hóa – Xã hội
7	Tỷ lệ bộ dữ liệu dùng chung của tỉnh được công khai dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp và nghiên cứu	20%	Các cơ quan, đơn vị, các ngành thuộc xã
III	Kinh tế số và Xã hội số		
9	Quy mô kinh tế số chiếm tỉ trọng trong GRDP	12%	Phòng Kinh tế
10	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử	80%	Phòng Kinh tế
11	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	50%	Phòng Kinh tế
12	Tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản định danh điện tử mức 2 (VNeID).	87%	Công an xã
13	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	53%	Phòng Văn hóa – Xã hội
14	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	15%	Phòng Văn hóa – Xã hội
15	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đảm bảo “đúng - đủ - sạch - thống nhất - dùng chung”	83%	Trạm Y tế, CA xã
16	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
IV	An toàn thông tin		

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
1	Tỷ lệ khai báo, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	100%	Văn phòng HĐND &UBND
2	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị, các ngành triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ	100%	Các cơ quan, đơn vị, các ngành thuộc xã
3	Đảm bảo người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo an toàn thông tin	100%	Công an xã
V	Nguồn nhân lực		
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản, AI	100%	Văn phòng HĐND &UBND
2	Tỷ lệ Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả, duy trì tập huấn	100%	Văn phòng HĐND &UBND
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông có kế hoạch và triển khai hoạt động phổ cập kỹ năng số cho học sinh	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành được tiếp cận, tập huấn, tuyên truyền về kỹ năng số cơ bản	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
5	Tỷ lệ người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã được tiếp cận, tập huấn, tuyên truyền về kỹ năng số cơ bản	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội